

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 388/UBND-VP4

Ninh Bình, ngày 05 tháng 8 năm 2013

V/v triển khai Chi thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Chi thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

I. Về việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư tăng cường công tác quản lý việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt, thực hiện đúng những quy định về quản lý đầu tư xây dựng và các văn bản chỉ đạo điều hành, như: Chi thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 539/UBND-VP4 ngày 16/11/2011, Văn bản số 276/UBND-VP4 ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh.

2. Đối với các dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn NSNN phải thực sự cấp bách và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án bảo đảm theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt.

b) Chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách theo quy định tại Chi thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 539/UBND-VP4 ngày 16/11/2011, Văn bản số 276/UBND-VP4 ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh. Riêng đối với các dự án sử dụng ngân sách địa phương, ngay ở bước xin chủ trương cho phép lập dự án sử dụng vốn NSNN phải xác rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách theo quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư phần vốn ngân sách trung ương theo đúng mức vốn đã được thẩm định.

3. Đối với các dự án chuyên tiếp, đang triển khai dở dang đã được giao kế hoạch vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ cần thiết phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư thực hiện các bước sau:

a) Đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư hoặc phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án sử dụng vốn TPCP, ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh), giao UBND cấp huyện và cấp xã (đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp mình quản lý) rà soát các nội dung đầu tư phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn trong phạm vi quản lý của ngân sách cấp mình.

b) Đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh quyết định đầu tư sau khi Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 có hiệu lực, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án sử dụng vốn TPCP, ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh), UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp mình quản lý) rà soát các nội dung đầu tư, cắt giảm các chi phí, hạng mục không thật cần thiết trên nguyên tắc vẫn bảo đảm mục tiêu chủ yếu của dự án, hiệu quả đầu tư nhằm giảm chi phí đầu tư, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Sau khi áp dụng các giải pháp trên, nếu dự án vẫn phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do các nguyên nhân: Biến động giá nguyên, nhiên, vật liệu; chính sách tiền lương và chi phí giải phóng mặt bằng, thì trên cơ sở cân đối nguồn vốn sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định dừng những dự án không đảm bảo hiệu quả đầu tư, chưa thật cấp bách để tập trung vốn cho các dự án cấp bách và hiệu quả cao hơn. Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả rà soát và danh mục các dự án phải dừng do không đảm bảo hiệu quả đầu tư, chưa thật cần thiết vào cuối tháng 9/2013.

c) Trong phạm vi cân đối ngân sách của cấp mình, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh dự án. Việc điều chỉnh dự án phải đảm bảo hiệu quả đầu tư, mục tiêu đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn và khả năng hoàn thành dự án đúng tiến độ.

d) Đối với các dự án do các huyện, thị xã, thành phố quản lý có sử dụng vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách cấp mình quản lý và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện đối với phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu hoặc các quyết định đầu tư điều chỉnh quy định tại các quyết định giao kế hoạch

vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2013. Ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ cho các dự án theo mức quy định tại quyết định đầu tư ban đầu hoặc các quyết định đầu tư điều chỉnh quy định tại các quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2013. Trường hợp trong quyết định đầu tư không nêu cụ thể mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh thì Ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ tối đa không quá 40% (căn cứ theo tỷ lệ của Nghị quyết số 23/NQ-HĐND và nghị quyết số 03/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

đ) Làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong từng khâu lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, dẫn đến việc tăng tổng mức đầu tư các dự án không thuộc các trường hợp được phép điều chỉnh theo quy định.

e) Theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013: Ngân sách Trung ương không hỗ trợ cho phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư ghi trong các Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, từ nay cho đến khi có chủ trương mới, yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung trên, không trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ.

4. Đối với những dự án có thể chuyển đổi hình thức đầu tư theo tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Yêu cầu các chủ đầu tư chủ động thực hiện rà soát, xác định điểm dừng kỹ thuật, giãn, hoãn và đề xuất chuyển đổi hình thức đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 634/KHĐT-TH ngày 4/6/2012, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/8/2013.

5. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp danh mục các dự án phê duyệt Quyết định đầu tư trước khi ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đã được Ngân sách Trung ương hỗ trợ vốn, mặc dù không điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, nhưng hiện nay khó có khả năng bố trí đủ phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quyết định đã phê duyệt để thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/10/2013. Danh mục các dự án được chia theo các tiêu chí sau:

a) Các dự án cần phải điều chỉnh giảm quy mô, cắt giảm các chi phí, hạng mục không thật cần thiết theo khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2012-2015.

b) Các dự án phải giãn hoãn tiến độ thực hiện sau năm 2015.

c) Các dự án huy động các nguồn vốn khác để thực hiện.

II. Về xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư chấn chỉnh công tác quản lý nhằm giảm tối đa nợ đọng xây dựng cơ bản, với nội dung cụ thể, như sau:

1. Các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao.

2. Không yêu cầu các doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư khi chưa được bố trí vốn kế hoạch hàng năm hoặc bỏ vốn đầu tư cao hơn mức vốn kế hoạch được giao, dẫn đến hậu quả phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Không được tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn. Chỉ được tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu đã được bố trí vốn và theo tiến độ, kế hoạch vốn được giao. Đối với các gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, phải tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán theo đúng hợp đồng đã ký theo quy định tại Điều 58 và Điều 59 của Luật Đấu thầu, tránh tình trạng nợ đọng, chiếm dụng vốn của nhà thầu.

4. Lập và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu theo tiến độ và kế hoạch vốn được phân bổ của từng dự án theo đúng quy định tại Điều 6, Luật Đấu thầu và khoản 3, Điều 10 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

5. Không được sử dụng vốn ngân sách địa phương vay, bao gồm vốn vay theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Luật NSNN; vốn vay nhân rồi của Kho bạc nhà nước; các khoản vốn vay khác để bố trí cho các dự án khởi công mới khi chưa xác định hoặc thẩm định được nguồn vốn để hoàn trả.

6. Các cấp Ngân sách (ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) phải tự cân đối các nguồn vốn để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

7. Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong các năm tiếp theo cho các dự án phải quán triệt nguyên tắc: Thực hiện theo đúng quy định tại Chi thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 539/UBND-VP4 ngày 16/11/2011 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; Chi thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 626/UBND-VP4 ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương và các nội dung của Văn bản hướng dẫn thực hiện Chi thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013.

8. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản: Yêu cầu các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2012 và đến ngày 30/6/2013 theo các biểu mẫu hướng dẫn của Sở Kế hoạch và đầu tư tại Văn bản số 1152/KHĐT-TH ngày 12/7/2013, làm rõ nguyên nhân và giải pháp xử lý nợ đọng; Cụ thể:

- Danh mục và số vốn nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đã quyết toán; đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chưa quyết toán nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Danh mục và số vốn nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai thực hiện (có khối lượng thực hiện đã nghiệm thu) sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Đối với số vốn nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2012, báo cáo rõ số vốn kế hoạch năm 2013 đã bố trí để thanh toán số nợ này.

III. Tổ chức triển khai thực hiện:

1. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố, các chủ đầu tư:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt và phân bổ, sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ; trong đó, tập trung kiểm tra việc phê duyệt, điều chỉnh tổng mức đầu tư, nợ vốn xây dựng cơ bản, đặc biệt là các dự án có mức độ thay đổi tổng mức đầu tư lớn;

- Tổng hợp danh mục các dự án phê duyệt Quyết định đầu tư trước khi ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đã được Ngân sách Trung ương hỗ trợ vốn, mặc dù không điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, nhưng hiện nay khó có khả năng bố trí đủ phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quyết định đã phê duyệt để thực hiện; báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/9/2013.

- Căn cứ vào các nội dung tại văn bản trên tổ chức rà soát và báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ tính đến hết ngày 31/12/2012 và tính đến ngày 30/6/2013 gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 05/9/2013 theo tiến độ đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại Văn bản số 330/UBND-VP4 ngày 09/7/2013; đồng thời, chủ động áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời để không làm phát sinh nợ đọng XD CB;

- Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, gây ra nợ đọng XD CB; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Hàng quý báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương; gửi về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư trước ngày 25 tháng cuối quý.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản tại thời điểm 31/12/2012 và 30/6/2013, xây dựng phương án trả nợ; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/9/2013; hàng quý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản trước ngày 30 tháng cuối quý.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư nghiêm túc triển khai thực hiện Chi thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và các nội dung tại văn bản này;

- Tổng hợp danh mục các dự án phê duyệt Quyết định đầu tư trước khi ban hành Chi thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã được Ngân sách Trung ương hỗ trợ vốn, mặc dù không điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, nhưng hiện nay khó có khả năng bố trí đủ phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quyết định đã phê duyệt để thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/10/2013./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài Chính;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh và các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP4, 3, 5, TTTH;

MH153.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Thắng

09486917

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỢ ĐONG XDCB TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2012 ⁽¹⁾	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2013	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2013	KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=(7)×(6)	10	11
	TỔNG SỐ									
A	NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG KẾ HOẠCH									
I	Nguồn vốn NSNN									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
1	Các dự án thuộc kế hoạch NSTW đã được bố trí vốn									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
2	Các dự án thuộc kế hoạch NSDP đã được bố trí vốn									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									
	- Các dự án đang thực hiện									
II	Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành, bàn giao đi vào sử dụng									

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2012 ^(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2013	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2013	KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ
B	Các dự án đang thực hiện CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH DÀ CHO PHÉP DOANH NGHIỆP TRIỂN KHAI VÀ CÓ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN <i>Trong đó:</i> - Các dự án đã hoàn thành - Các dự án đang thực hiện									

Ghi chú: (*) Lũy kế số vốn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm

TIÊU CHUẨN ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (VỐN TRONG NƯỚC) TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đu điểm AD	Năm lập thiết kế	Thời gian KC III	Quyết định đầu tư			Lấy kế toán đã bù trừ đến hết ngày 31/12/2012 ¹⁾			Lấy kế toán tổng thực hiện từ KC đến 31/12/2012			Lấy kế toán nguồn từ KC đến 31/12/2012			Số vốn đang sử dụng cơ bản đến ngày 31/12/2012			Kế hoạch 2013			Chỉ chú
					Số quyết định	TSHH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						NSW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSW		NSDP	Các nguồn vốn khác		NSW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSW		NSDP	Các nguồn vốn khác	
TRUNG ƯƠNG																							
A CÁC ANH ĐƠN TƯ																							
I Ngành, lĩnh vực																							
1 Dự án																							
II Ngành, lĩnh vực																							
1 Dự án																							
B CÁC HỖ TRỢ AN																							
I Ngành, lĩnh vực																							
(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																							
1 Dự án																							
2 Dự án																							
(2) Các dự án đang triển khai thực hiện																							
1 Dự án																							
2 Dự án																							
II Ngành, lĩnh vực																							
Phân loại như trên																							
C CÁC TƯ THÔNG CỐ ĐỊNH, NHẬN MÃ CỤ THỂ																							
I Chương trình																							
(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																							
1 Dự án																							
2 Dự án																							
(2) Các dự án đang triển khai thực hiện																							
1 Dự án																							
2 Dự án																							
II Chương trình																							
Phân loại như trên																							

Chú thích: 1) Các kế toán đã bù trừ và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 và số vốn đang cấp và đang quyết định triển khai ngày 31 tháng 12 năm 2012 của dự án trong các kế hoạch các năm vốn đầu tư nguồn vốn NSRF do Ủy ban Quản lý Đầu tư và Phát triển.

TÌNH HÌNH NỘ ĐỒNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIEU CHÍNH PHỦ TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị: Triệu đồng

11	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trả đến hết ngày 31/12/2012 ^(*)		Lũy kế khối lượng thực hiện tu KC đến 31/12/2012		Lũy kế giá trị ngân tu KC đến 31/12/2012				Số nợ đồng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2012				Kế hoạch 2013	Ghi chú
					Số quyết định ngân sách năm hạn hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Kế hoạch 2013		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Kế hoạch 2013							
																IPC P		Các nguồn vốn khác	IPC P			
TỔNG SỐ																						
I Ngành, lĩnh vực																						
(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																						
1 Dự án																						
2 Dự án																						
(2) Các dự án đang triển khai thực hiện																						
1 Dự án																						
II Ngành, lĩnh vực.....																						
Phần loại như trên																						

Ghi chú: (*) Lũy kế vốn đã bỏ trả đến hết kế hoạch năm 2012 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, và số vốn cấp có thêm quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2012, cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau tiếp và số vốn trái phiếu Chính

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XDCB TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết KH năm 2013 ⁽¹⁾	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 30/6/2013	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 30/6/2013	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa bố trí vốn ngày 30/6/2013	Bổ sung hoặc ứng trước KH các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ ngày 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến bố trí vốn KH năm 2014	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bổ sung hoặc ứng trước vốn để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn được bổ sung hoặc ứng trước để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9 (7)+(8)	10	11	12	13
A	TỔNG SỐ											
	NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG KẾ HOẠCH											
	I Nguồn vốn NSNN											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
1	Các dự án thuộc kế hoạch NSTW đã được bố trí vốn											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
2	Các dự án thuộc kế hoạch NSDP đã được bố trí vốn											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											
II	Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ											
	<i>Trong đó:</i>											

TÌNH HÌNH SƠ DẠNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐÀ TÌ PHÁT TRIỂN NGŢ QUẢNG SƠN (CƠNG TRƯỜNG MŢC) TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Đã được cấp	Vay lại	Thẩm quyền phê duyệt	Quyết định đầu tư						Tỷ lệ kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2013			Tỷ lệ kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2012			Số dự án đang xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Số dự án đang xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2012			Số hạng mục công trình đã hoàn thành và được cấp cơ chế quản lý quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến hoàn thành năm 2014			Chú thích
					TMDH						Tỷ lệ kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2013			Tỷ lệ kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2012			Số dự án đang xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Số dự án đang xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2012			Số hạng mục công trình đã hoàn thành và được cấp cơ chế quản lý quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến hoàn thành năm 2014			
					Số quyết định công nghệ, thiết bị năm báo hành		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		
TỔNG SỐ																													
A. CHỈ ANH ĐÀ TÌ																													
I. Ngành/ lĩnh vực																													
1. Thủy lợi																													
2. Thủy điện																													
B. DỰ C HỒN ĐÀ TÌ																													
I. Ngành/ lĩnh vực																													
1) Các dự án được thành lập báo cáo																													
1. Thủy lợi																													
2. Thủy điện																													
2) Các dự án đang thực hiện thực hiện																													
1. Thủy lợi																													
2. Thủy điện																													
II. Ngành/ lĩnh vực																													
Phần báo như trên																													
C. DỰ C HỒN ĐÀ TÌ (TRƯỜNG MŢC)																													
I. Chương trình																													
1) Các dự án được thành lập báo cáo																													
1. Thủy lợi																													
2. Thủy điện																													
2) Các dự án đang thực hiện thực hiện																													
1. Thủy lợi																													
2. Thủy điện																													
II. Chương trình																													
Phần báo như trên																													

(Số liệu 1) là kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2013 và số hạng mục công trình đã hoàn thành và được cấp cơ chế quản lý quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo. (Số liệu 2) là kế hoạch đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2012 và số hạng mục công trình đã hoàn thành và được cấp cơ chế quản lý quyết định từ 1/7/2012 đến thời điểm báo cáo.

